

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP

Diễn giải:

- Các phần chữ bôi đậm là nội dung đề xuất bổ sung vào Điều lệ.
- Các phần chữ gạch giữa là nội dung đề xuất bỏ ra khỏi Điều lệ.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lí do đề xuất
1	Điểm s Khoản 1 Điều 1	“Công ty liên kết” là bất kỳ Công ty nào mà Tổng Công ty (i) sở hữu trực tiếp hay gián tiếp thông qua các Công ty con từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành, hoặc (ii) có quyền đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của Công ty đó nhưng không kiểm soát các chính sách đó, hoặc (iii) chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tổng Công ty theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết với Tổng Công ty	“ Công ty liên kết ” là bất kỳ công ty mà Tổng Công ty (i) sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành hoặc (ii) có quyền đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của Công ty đó nhưng không kiểm soát các chính sách đó, hoặc (iii) chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tổng Công ty theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết với Tổng Công ty.	Điểm (r) Khoản 1 Điều 1 và Điểm (s) Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ hiện tại đưa ra định nghĩa về “Công ty con” là Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ và “Công ty liên kết” là Tổng Công ty sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ. Do đó cần làm rõ trường hợp mà Tổng Công ty sở hữu 50% vốn điều lệ. Nội dung sửa đổi này cũng phù hợp với quy định tại mục 3 và mục 4 của Chuẩn mực kế toán số 07 ban hành tại Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC và khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
2	Khoản 9 Điều 13	9. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn: a) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty; b) Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ đông lớn	9. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn: <u>Cổ đông lớn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ công bố thông tin, báo cáo giao dịch cho Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết theo quy định của</u>	Khoản 1 Điều 1 đã có định nghĩa Cổ đông lớn. Đồng thời, các quy định về công bố thông tin áp dụng đối với cổ đông lớn đã có nhiều thay đổi (thời hạn, nội dung báo

		của Tổng Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn hoặc ngày không còn là cổ đông lớn; c) Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây: (i) Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với Cổ đông lớn là cá nhân; (ii) Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. d) Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm c) trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% (một) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết. Quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.	pháp luật.	cáo...) theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC. Do đó, đề xuất thay thế bằng nội dung mới về nghĩa vụ của cổ đông lớn phải công bố thông tin theo quy định chung của pháp luật
3	Khoản 1, 2 Điều 21	1. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này, khoản 1 Điều 17	1. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này, khoản 1 Điều 17 và khoản 8	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật

		và khoản 8 Điều 22 của Điều lệ này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ. 2. Các quyết định của ĐHĐCĐ về các nội dung sau đây phải được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản): 	Điều 22 của Điều lệ này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. 2. Các quyết định của ĐHĐCĐ về các nội dung sau đây phải được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản): 	số: 03/2022/QH15.
4	Khoản 6 Điều 26	Tổng số tiền trả thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải công bố ghi chi tiết được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Tổng công ty.	Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.	Nội dung này trước đây được quy định tại khoản 8 Điều 25 Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng (ban hành theo Thông tư 121/2012/TT-BTC). Nay chỉnh sửa để phù hợp với Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 28 Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, đồng thời để phù hợp với thực tế quản trị tại Tổng công ty.
5	Khoản 15 Điều 29	15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành	15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản	Sửa đổi, bổ sung theo quy định mới tại Khoản 6 Điều 7

		viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.	đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có đầy đủ các nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp và phải có: (i) Chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, hoặc (ii) Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp, hoặc (iii) Chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, hoặc (iv) Chữ ký của tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp trong trường hợp chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	Luật số: 03/2022/QH15, đồng thời để phù hợp với thực tế quản trị tại Tổng công ty (hầu hết các Biên bản họp được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp).
--	--	--	--	---

6	Khoản 1 Điều 32	1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT làm Tổng Giám đốc trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.	1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc. Thông tin về tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, <u>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm</u> của Tổng Công ty.	Nội dung này trước đây được quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng (ban hành theo Thông tư 121/2012/TT-BTC). Nay chỉnh sửa để phù hợp với Khoản 1 Điều 162, Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, đồng thời để phù hợp với thực tế quản trị tại Tổng công ty.
---	----------------------------	---	---	---